TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2026
V/v: "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con."

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Diễm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Hồng Loan – Ông Vũ Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Điểu Thị Cảm – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huề – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2026/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026 về việc "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2026/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Hoàng T, sinh năm: 1985, trú tại: Thôn P, xã C, tỉnh Lâm Đồng. *(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công X, sinh năm: 1992, trú tại: Thôn D, xã C, tỉnh Lâm Đồng. *(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ghi ngày 18 tháng 5 năm 2026 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Hoàng T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Công X tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2022 có đăng ký tại UBND Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND xã C). Sau một khoảng thời gian chung sống với nhau, Vợ chồng anh chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không tìm thấy nói chung trong gia đình. Từ đó, anh chị đã không còn chung sống với nhau từ năm 2024 cho đến nay mạnh ai nấy sống, không có sự yêu thương, chăm sóc. Vì vậy, chị T yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Công X để cả hai ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh X có hai người con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia K, sinh ngày 08/5/2023 và cháu Nguyễn Phạm Tâm Đ, sinh ngày 13/12/2024. Hiện con đang ở với chị T và do chị T trực tiếp chăm sóc giáo dục. Vì vậy khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia K và cháu Nguyễn Phạm Tâm Đ. Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu anh Nguyễn Công X cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày giữa chị và anh X tự thỏa thuận, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị T xác nhận giữa chị và anh X không có nợ chung.

Ngoài ra, chị Phạm Thị Hoàng T không trình bày hay yêu cầu gì khác.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo, triệu tập anh Nguyễn Công X tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh X vắng mặt không có lý do.

Theo giấy xác nhận thông tin về cư trú ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Công an xã C thì anh X đang sinh sống tại: Thôn B, xã C, tỉnh Lâm Đồng. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, anh X không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án không có cơ sở để ghi nhận ý kiến của anh X đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên toà, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Công X không chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự và vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất không có lý do.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Hoàng T.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Hoàng T1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì đối với việc thụ lý, giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn chị Phạm Thị Hoàng T khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn và nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Công X có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Thôn B, xã C, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, xác định tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là "Ly hôn và nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Nguyễn Công X đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh X là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Hoàng T về ly hôn và nuôi con, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Đối với yêu cầu ly hôn của chị T với anh X:

Chị T và anh X tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn với nhau và tiến hành đăng ký tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Lâm Đồng (nay là UBND xã C, tỉnh Lâm Đồng) vào ngày 05/5/2022 vì vậy quan hệ hôn nhân được xác lập giữa chị T và anh X là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ là biên bản xác minh ngày 19/6/2026 của Tòa án về tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh X tại địa phương thấy rằng: Việc chị T trình bày giữa vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và anh X đã đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về địa phương để thăm con chung là có thật. Mặc dù, anh X biết việc chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh X vẫn không có động thái cũng như sự thiện chí hợp tác với Tòa án để níu kéo hạnh phúc gia đình. Theo hồ sơ thể hiện chị T đã từng nộp đơn ly hôn đối với anh X tại Tòa án, tuy nhiên chị T rút đơn ly hôn với mục đích cho anh X cơ hội vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung nhưng không mang lại kết quả. Từ những phân tích trên nên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh X là trầm trọng, cả hai vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Hoàng T với anh Nguyễn Công X là có căn cứ.

[2] Đối với yêu cầu được nuôi hai con của chị T sau khi ly hôn:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị T và tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn cùng với biên bản xác minh ngày 19/6/2026 thể hiện trong quá trình chung sống cùng nhau giữa chị T và anh X có hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia K, sinh ngày 08/5/2023 và cháu Nguyễn Phạm Tâm Đ, sinh ngày 13/12/2024, hiện cả hai cháu đang sống cùng chị T từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Anh X đi

làm ăn xa, không xác định rõ về nơi ở, công việc, thu nhập… và anh X cũng không có ý kiến hay tranh chấp về việc nuôi con với chị T. Tuy nhiên, đối với chị T thì Hội đồng xét xử nhận thấy về điều kiện vật chất như: Ăn, ở, sinh hoạt, điều kiện học tập và các yếu tố khác chị T hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi hai cháu và đảm bảo cho hai cháu có cuộc sống ổn định, đầy đủ về vật chất và tinh thần. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao hai con chung là cháu Nguyễn Phạm Gia K, sinh ngày 08/5/2023 và cháu Nguyễn Phạm Tâm Đ, sinh ngày 13/12/2024 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Đối với tài sản chung, nợ chung:

Theo lời khai của chị T trong quá trình tố tụng thì giữa chị và anh X sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung và nợ chung đồng thời do anh X không có văn bản trình bày ý kiến của mình về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp.

[4] Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với nhận định của của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chị Phạm Thị Hoàng T khởi kiện ly hôn nên phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Hoàng T.

Chị Phạm Thị Hoàng T được ly hôn với anh Nguyễn Công X.

Giao con chung Nguyễn Phạm Gia K, sinh ngày 08/5/2023 và Nguyễn Phạm Tâm Đ, sinh ngày 13/12/2024 cho chị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Công X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí:

Chị Phạm Thị Hoàng T phải nộp 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị T đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009141 ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng. Xác nhận chị T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và 72 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND, VKSND tỉnh Lâm đồng;*
- *VKSND khu vực 5 – Lâm Đồng;*
- *THADS tỉnh Lâm Đồng;*
- *UBND xã Cát Tiên;*
- *Đương sự;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 5

3YQ300726.TL.QDBA
985

Nguyễn Thị Mỹ Diễm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hồng Loan **Nông Văn Điển** **Nguyễn Thị Mỹ Diễm**